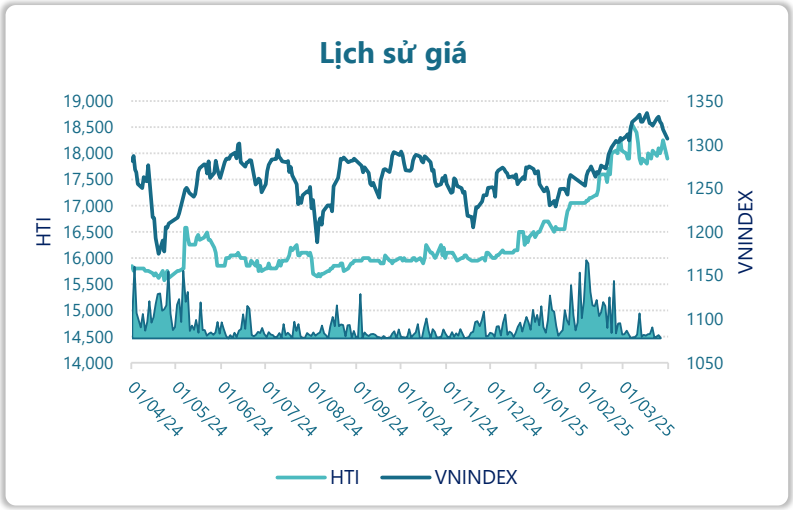
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HSX: HTI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,576
SL cổ phiếu LH	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,960
% sở hữu nước ngoài	9.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	447
P/E	4.1
EPS	4,326

DT thuần

Q1/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.0| -22.3%

YoY: ▲ 3.00| 2.4%

LN sau thuế

Q1/25

58.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.6| 261%

YoY: ▲ 44.2| 301%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

27.7%

+/- YoY: ▼ 6.2%

DT thuần

2024

490

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0| 11.2%

LN sau thuế

2024

63.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.50| 11.3%

ROE

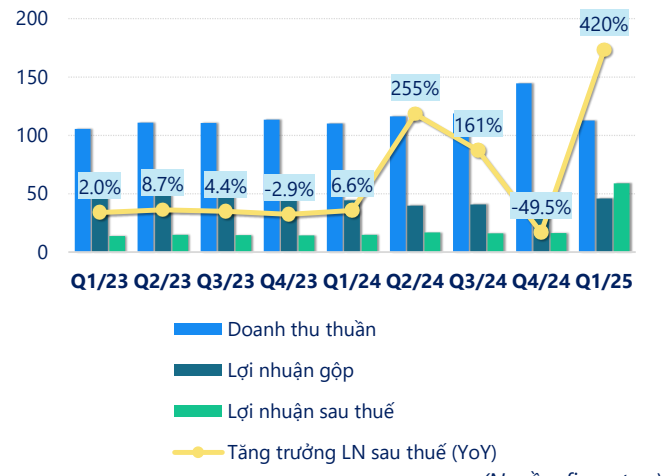
2024

12.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

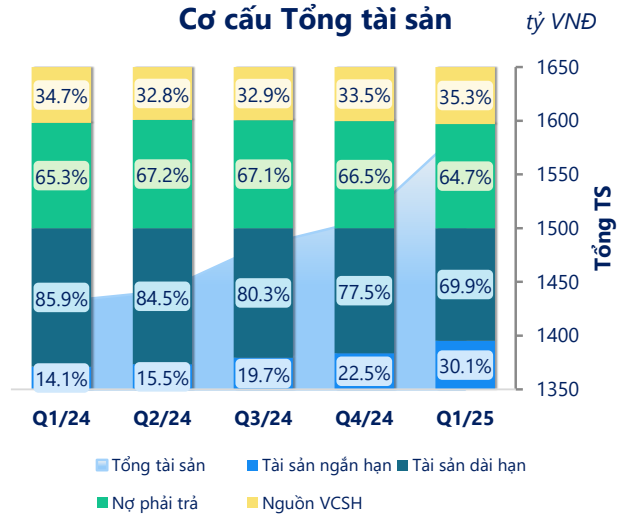
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



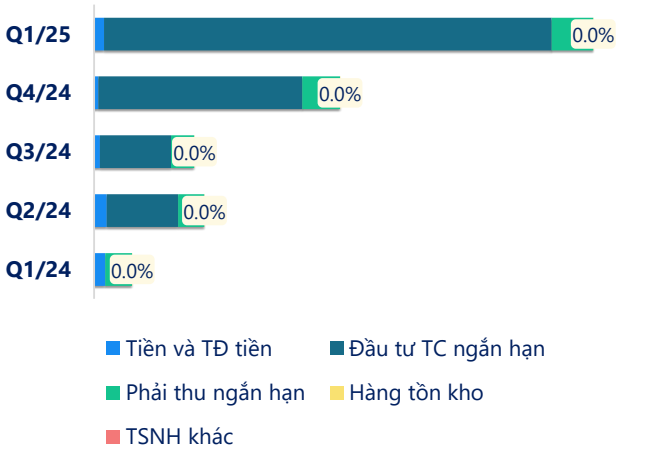
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



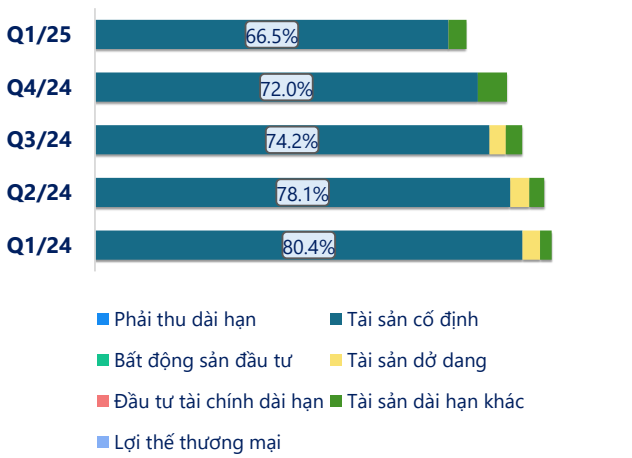
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



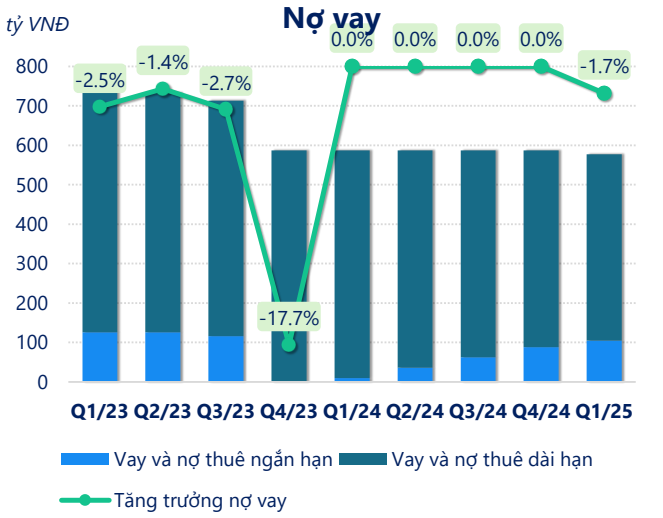
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



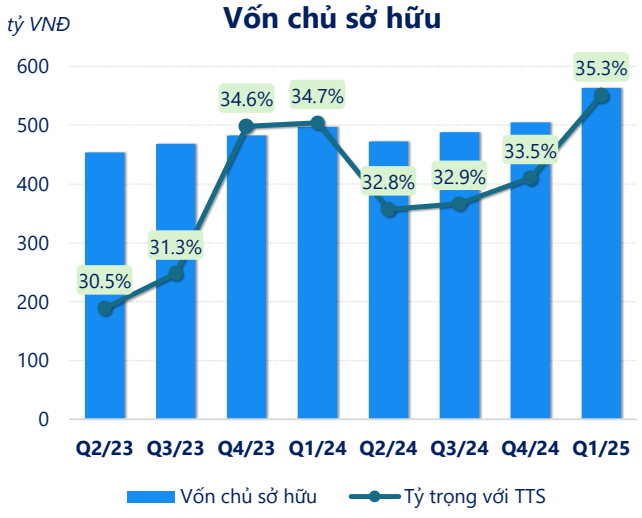
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



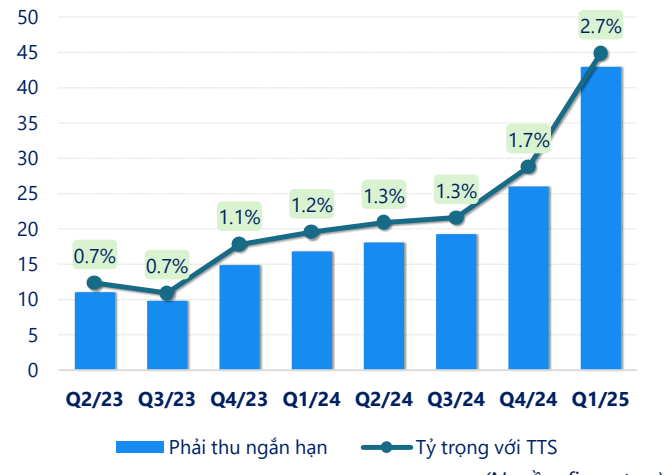
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



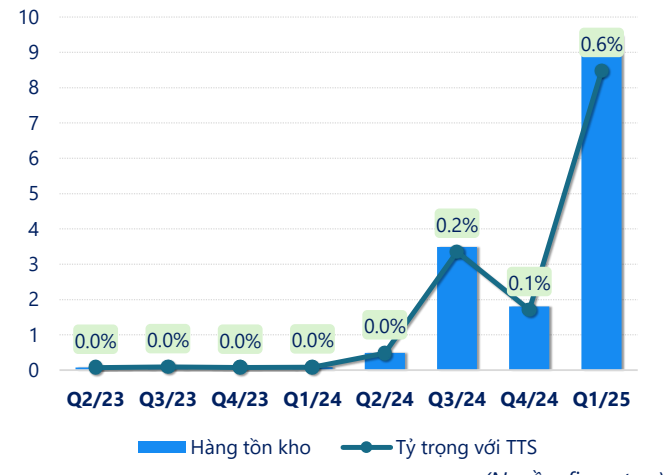
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



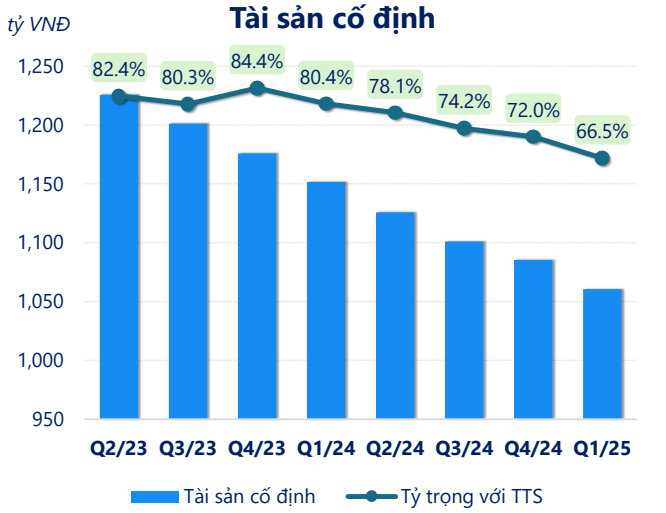
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



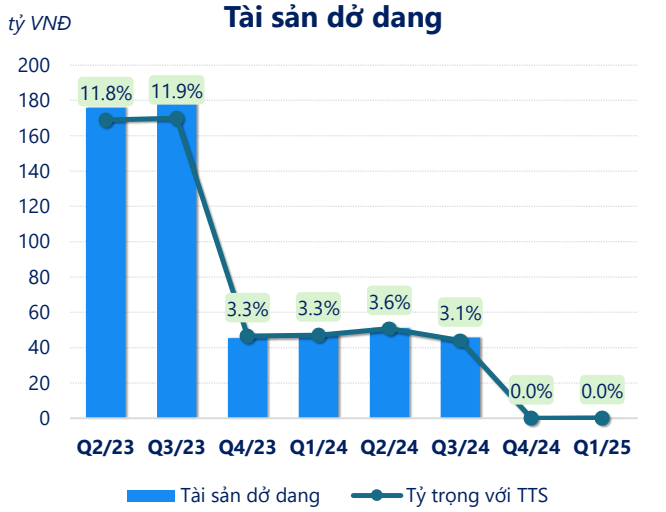
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



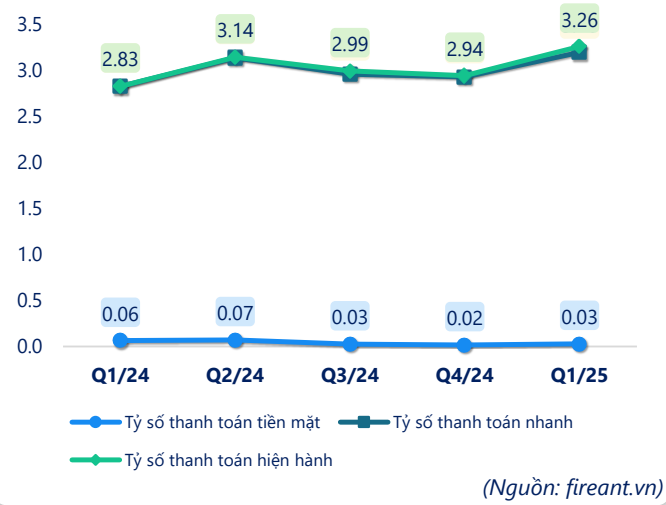
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



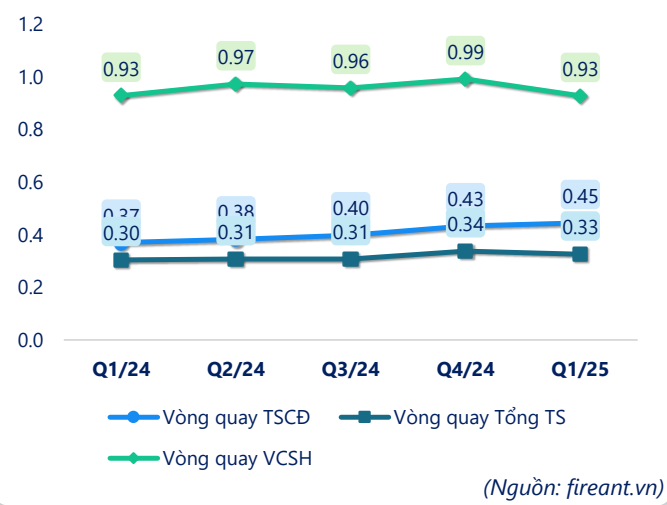
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,432**	**1,441**	**1,485**	**1,507**	**1,594**
Tài sản ngắn hạn	**202**	**224**	**292**	**339**	**480**
Tiền và tương đương tiền	4.53	5.08	2.47	1.88	4.49
Đầu tư tài chính ngắn hạn	181	200	267	309	423
Phải thu ngắn hạn	16.8	18.1	19.2	26.0	42.9
Hàng tồn kho	0.08	0.48	3.49	1.80	9.46
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1,230**	**1,217**	**1,192**	**1,168**	**1,114**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,152	1,126	1,101	1,085	1,061
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	47.1	51.2	45.8	0	0.14
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	31.0	40.3	45.7	82.8	53.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**935**	**969**	**996**	**1,003**	**1,031**
Nợ ngắn hạn	**71.5**	**71.2**	**97.6**	**115**	**147**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	36.1	62.2	88.4	104
Phải trả người bán ngắn hạn	3.16	9.39	5.28	8.41	3.24
Nợ dài hạn	863	898	899	888	883
Vay và nợ thuê dài hạn	577	551	525	499	473
Nguồn vốn chủ sở hữu	**497**	**472**	**488**	**505**	**563**
Vốn chủ sở hữu	**497**	**472**	**488**	**505**	**563**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)